

Bản án số: 06/2018/HC-PT

Ngày: 14 – 5 – 2018

V/v: “*Khiếu kiện hành vi hành chính
và quyết định giải quyết khiếu nại
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Bùi Văn Bình

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 14 tháng 5 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2017/TLPT-HC ngày 09/10/2017 về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 25/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Q bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXX-PT ngày 20/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐ-PT ngày 13/4/2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phùng Ngọc Đ, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn N, huyện Q, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Dương Vĩnh T - Trưởng văn phòng Luật sư D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt khi tuyên án)

Địa chỉ: Số 43, Đường L, Phường T, Thị xã P, tỉnh Bình Phước

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Q, tỉnh Bình Phước

2. Chủ tịch UBND huyện Q, tỉnh Bình Phước

Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn N, huyện Q, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn V, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện Q. (vắng mặt khi tuyên án)

(Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2016)

- *Người tham gia tố tụng khác:* UBND tỉnh Bình Phước

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T2, chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước (có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Bùi Văn T, chức vụ: Phó Trưởng phòng Giá – Quản lý công sản thuộc Sở Tài chính tỉnh Bình Phước. (vắng mặt khi tuyên án)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Phùng Ngọc Đ.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản lấy lời khai và tại phiên toà, người khởi kiện ông Phùng Ngọc Đ trình bày:

Gia đình ông có 02 thửa đất, thửa thứ nhất có diện tích 672 m²; thửa thứ hai có diện tích 589 m², đều tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện Q (nay là khu phố M, thị trấn N, huyện Q) và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1999.

Năm 2000 UBND tỉnh Bình Phước, phê duyệt dự án quy hoạch xây dựng huyện lỵ Q. Ngày 11/10/2001 UBND tỉnh Bình Phước ra Quyết định số 80/2001/QĐ.UB ban hành chính sách và đơn giá đền bù giải tỏa mặt bằng quy hoạch khu vực Trung tâm hành chính huyện Q.

Ngày 27/10/2005, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2264/QĐ-UBND về việc phê duyệt đơn giá thu tiền sử dụng đất và chính sách giao đất tái định cư tại Hoa Viên - Tượng đài thị trấn N, huyện Q.

Ngày 15/10/2002, Ban quản lý dự án huyện Q tiến hành kiểm kê hiện trạng diện tích đất, tài sản trên đất đối với các hộ dân nằm trong khu dự án bị giải tỏa thu hồi. Trong đó, hộ ông bị thu hồi đối với 02 diện tích đất trên (thu hồi 572 m² để làm trung tâm hành chính, thu hồi 672 m² để làm khu tái định cư tại khu Hoa viên - Tượng đài)

Ngày 25/3/2004, ông đã nhận được tiền bồi thường.

Ngày 14/3/2007, gia đình ông được cấp lại 1 lô tái định cư tại khu Hoa viên - Tượng đài.

Sau đó ông phát hiện diện tích đất 672 m² bị thu hồi để làm khu đất tái định cư chứ không phải để xây dựng khu Hoa viên - Tượng đài chiến thắng. Ông đã làm đơn khiếu nại lên UBND huyện Q yêu cầu cấp thêm 01 lô đất tái định cư nữa.

Ngày 27/5/2013, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 1130/QĐ-UBND với nội dung bác nội dung đơn khiếu nại của ông với lý do hộ của ông không đủ điều kiện để cấp tái định cư theo Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 27/5/2005 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn giá thu tiền sử dụng đất và chính sách giao đất tái định cư tại khu Hoa viên - Tượng đài thị trấn N, huyện Q.

Ngày 17/10/2013, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1877/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông, có nội dung bác đơn.

Không đồng ý với các quyết định giải quyết khiếu nại, ông khởi kiện hành vi hành chính yêu cầu UBND huyện Q cấp thêm cho gia đình ông 01 lô tái định cư và đề nghị hủy Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 27/5/2013 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông (Viết tắt là Quyết định số 1130/QĐ-UBND).

Người bị kiện trình bày:

Hộ ông Đ bị thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu trung tâm hành chính và khu khuôn viên tượng đài. Hộ ông Đ không đủ điều kiện cấp thêm lô tái định cư theo Quyết định số 2264/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành, số dĩ hộ ông Đ được cấp 01 lô đất tái định cư là vì hộ ông Đ bị thu hồi nhiều diện tích đất nông nghiệp, để giảm thiểu thiệt thòi cho hộ ông Đ, UBND huyện Q đã linh động cấp cho gia đình ông một lô đất tái định cư chứ trên thực tế, gia đình ông không đủ điều kiện theo quyết định của UBND tỉnh đã ban hành.

Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, phía UBND huyện Q vẫn giữ nguyên quan điểm đã giải quyết tại Quyết định số 1130/QĐ-UBND, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Ngọc Đ về việc khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện Q trong việc cấp đất tái định cư, yêu cầu UBND huyện Q cấp thêm 01 lô tái định cư và yêu cầu hủy Quyết định số 1130/QĐ-UBND.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 01/7/2016, ông Đ kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc UBND huyện Q phải thực hiện hành vi hành chính về cấp cho gia đình ông thêm 01 lô tái định cư do bị thu hồi 672 m² diện tích đất để phân lô dân cư.

Tại Bản án phúc thẩm số 11/2016/HC-ST ngày 6/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phùng Ngọc Đ. Hủy Toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 01/2016/HC-ST ngày 29/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Q và chuyển hồ sơ vụ án vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/01/2017, Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý lại vụ án.

Tại Bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Ngọc Đ về việc buộc UBND huyện Q cấp thêm cho gia đình ông Đ 01 lô tái định cư theo Biên bản ngày 14/3/2007 về họp xét bố trí đất tái định cư và yêu cầu hủy Quyết định số 1130/QĐ-UBND.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Q nhận được đơn kháng cáo của ông Phùng Ngọc Đ với nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc UBND huyện Q phải thực

hiện hành vi hành chính cấp cho gia đình ông 01 lô tái định cư theo Biên bản họp xét ngày 14/3/2007 và hủy Quyết định số 1130/QĐ-UBND.

Ngày 08/8/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/QĐ-VKS-HC với nội dung:

Tại phiên tòa ngày 25/7/2017, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để đề nghị UBND tỉnh Bình Phước giải thích nội dung trong Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 27/10/2005 của UBND tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử tiến hành nghị án và ra tuyên án mà không trở lại việc hỏi và tranh luận sau đó đề nghị kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 186, 190 và 192 Luật Tố tụng hành chính.

Trong biên bản nghị án thể hiện Hội đồng xét xử không xem xét về đề nghị tạm ngừng phiên tòa nhưng lại nhận định trong bản án không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát là vi phạm Điều 191 Luật Tố tụng hành chính.

Căn cứ vào đơn khởi kiện của người khởi kiện thì người bị kiện là UBND huyện Q và Chủ tịch UBND huyện Q, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Q mà không đưa UBND huyện Q tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Do những vi phạm nêu trên là nghiêm trọng nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phùng Ngọc Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tuyên sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện Q phải thực hiện hành vi hành chính cấp cho gia đình ông 01 lô đất tái định cư theo Biên bản ngày 14/3/2007 về họp xét bố trí đất tái định cư và hủy Quyết định số 1130/QĐ-UBND.

Ông Đ xác định ông có 2 diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi gồm 589m² tại khu Trung tâm hành chính và 672m² tại khu Hoa viên - Tượng đài. Năm 2005 ông đã được UBND huyện Q cấp 1 lô đất tái định cư tại đường D2, ông xác định lô đất tái định cư này là cấp cho diện tích đất 589m² tại khu Trung tâm hành chính bị thu hồi, còn diện tích 672m² bị thu hồi tại khu Hoa viên - Tượng đài thì hội đồng họp xét của UBND huyện Q đã xét cấp cho ông 1 lô tái định cư phía trong theo Biên bản họp xét ngày 14/3/2007. Vì vậy đề nghị UBND huyện Q thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định cấp đất tái định cư cho ông theo Biên bản ngày 14/3/2007.

Phía người bị kiện xác định Biên bản họp xét bố trí đất tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa trong khu Hoa viên - Tượng đài ngày 14/3/2007 thực chất là rà soát lại xem có hộ nào chưa được nhận đất tái định cư vì trước đó vào năm 2005 thì UBND huyện đã cấp cho ông Đ 01 lô đất tái định cư tại đường D2 do ông bị thu hồi diện tích 672m² tại khu Hoa viên - Tượng đài vì diện tích đất giáp mặt tiền đường ĐT741 lớn (hơn 10m) nên để giảm thiệt thòi cho người dân thì UBND đã cấp 1 lô cho ông. Còn diện tích đất 589m² tại Trung tâm hành chính huyện Q của ông Đ thì không được cấp tái định cư.

Đồng thời, phía người bị kiện thừa nhận vào năm 2002 khi chưa có quyết định thu hồi đất của ông Đ thì UBND huyện đã tiến hành vào kiểm kê áp giá đền bù chi trả tiền đền bù cho ông Đ là thực hiện chưa đúng về việc trình tự thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai 2003.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Trong hồ sơ vụ án chưa có Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 02/1/2002 của UBND huyện Q và chưa có văn bản thể hiện nội dung UBND huyện Q được ủy quyền điều chỉnh quy hoạch. Hồ sơ cũng chưa thể hiện rõ đất của ông Đ sau khi điều chỉnh quy hoạch có nằm trong diện tích đất bị thu hồi hay không, chưa có sơ đồ bố trí tái định cư của trung tâm hành chính huyện Q và hơn nữa việc UBND huyện Q áp giá đền bù kiểm kê trước khi có quyết định thu hồi đất là không đúng quy định của pháp luật. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:* Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cụ thể người bị kiện xác định đã cấp đất tái định cư cho ông Đ từ năm 2005 còn người khởi kiện thì yêu cầu cấp đất tái định cư theo biên bản họp xét ngày 14/3/2007. Mâu thuẫn này chưa được cấp sơ thẩm làm rõ, chưa thu thập bản trích sao bản đồ thị trấn N, huyện Q tại thời điểm thu hồi đất và bố trí tái định cư cho các hộ dân trong đó thể hiện vị trí đất của ông Đ bị thu hồi và đã bố trí đất tái định cư ở đâu.

Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định 1130/QĐ-UBND là đúng theo quy định của pháp luật nhưng nội dung của quyết định nêu không rõ hộ gia đình ông Đ được bố trí tái định cư theo điều khoản nào của Quyết định 2264/QĐ-UBND. Quyết định 2264/QĐ-UBND, Công văn số 566/UBND-NC ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước v/v trả lời các nội dung liên quan đến hồ sơ vụ án ông Phùng Ngọc Đ, Công văn số 896/UBND-NC ngày 09/5/2018 của UBND huyện Q là các văn bản dưới luật. Việc quy định về đối tượng được cấp đất tái định cư và giải thích Quyết định số 2264/QĐ-UBND là không phù hợp với khoản 2 Điều 34 Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và Điều 36 Nghị Định 181/NĐ-CP làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phùng Ngọc Đ, chấp nhận 1 phần Quyết định kháng nghị số 08/QĐKN - VKS - HC ngày 08/8/2017 của VKSND huyện Q, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đối với kháng cáo của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên buộc UBND huyện Q thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định cấp 01 lô đất tái định cư theo Biên bản họp xét ngày 14/3/2007 mà đến nay người khởi kiện chưa được nhận, thì thấy:

Ngày 02/8/2000, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 1825/QĐ-UBND về việc “Phê duyệt quy hoạch huyện lỵ Q tỉnh Bình Phước”, ngày 11/10/2001 UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 80/2001/QĐ.UB về chính sách và đơn giá đền bù giải tỏa mặt bằng quy hoạch khu vực trung tâm hành chính huyện Q. Hộ gia đình ông Phùng Ngọc Đ có 2 diện tích đất bị thu hồi là đất nông nghiệp ở khu dân cư gồm: Diện tích đất 589m² ở khu trung tâm hành chính và diện tích 672m² ở khu Hoa viên - Tượng đài. Ngày 15/10/2002, Ban quản lý dự án huyện Q đã tiến hành kiểm kê hiện trạng và áp giá đền bù cho hộ ông Đ trong khi UBND huyện Q chưa ban hành quyết định thu hồi đất (đến năm 2007 mới ban hành quyết định thu hồi đất) là trái với quy định tại Điều 39 Luật đất đai 2003. Ngày 27/10/2005, UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2264/QĐ-UBND về việc phê duyệt đơn giá thu tiền sử dụng đất và chính sách giao đất tái định cư tại Hoa viên - Tượng đài thị trấn N, huyện Q. Ngày 16/11/2005, UBND huyện Q ban hành Quyết định số 2477/QĐ-UBND về việc giao đất có thu tiền sử dụng đất tái định cư tại khu dân cư tập trung huyện Q cho 13 hộ dân có đất bị thu hồi trong các khu quy hoạch của huyện Q, trong đó có hộ ông Đ được cấp 01 lô tái định cư tại số 16-N10. UBND huyện Q cho rằng việc cấp lô đất tái định cư này cho hộ ông Đ là cấp tái định cư đối với diện tích đất 672m² bị thu hồi ở khu Hoa viên - Tượng đài, việc cấp tái định cư có xem xét tuy đất bị thu hồi là đất nông nghiệp nhưng do diện tích đất bị thu hồi lớn và có diện tích mặt đường ĐT 741 là 10,5m nên để giảm thiệt hại cho người dân thì linh động cấp tái định cư chứ theo quy định tại Quyết định 2264/QĐ-UBND thì hộ ông Đ không được cấp tái định cư. Còn biên bản họp xét ngày 14/3/2007 chỉ là biên bản rà soát lại xem hộ nào đã nhận đất và hộ nào chưa nhận đất thì tổ chức cho bốc thăm. Xét lời trình bày trên của UBND huyện Q là không có căn cứ bởi lẽ: Quyết định số 2477/QĐ-UBND ngày 16/11/2005 đã xác định rõ tại Điều 1 “ Nay giao đất tái định cư cho 13 hộ được bồi thường thiệt hại trong các khu quy hoạch của huyện Q, tỉnh Bình Phước”. Như vậy, ông Đ có 2 diện tích đất dự kiến bị thu hồi (vì chưa có quyết định thu hồi đất) trong khu quy hoạch Trung tâm hành chính và khu Hoa Viên - Tượng đài nên đã được cấp 01 lô tái định cư. UBND huyện Q không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc UBND huyện họp xét cấp lô tái định cư này cho ông Đ do thu hồi diện tích 672m² tại Hoa viên tượng đài. Như vậy, lời khai của ông Đ về lô đất tái định cư ông được cấp năm 2005 là do UBND huyện thu hồi diện tích 589m² tại khu Trung tâm hành chính là có căn cứ, phù hợp với nội dung Quyết định 2477/QĐ-UBND. Đến hơn 01 năm sau, vào ngày 14/3/2007 thì UBND huyện Q tiến hành họp xét bố trí tái định cư cho các hộ bị giải tỏa trong khu quy hoạch Hoa viên - Tượng đài. Về tiêu chí để được xét cấp tái định cư đã thể hiện rõ như sau:

* Đối với đất mặt đường ĐT 741 bị giải tỏa:

+ Đất mặt đường bị giải tỏa từ 17m trở lên (trong đó được bồi thường đất ở) bố trí 2 lô (5m x 30m/ lô) tái định cư mặt tiền đường ĐT 741

+ Đất mặt đường bị giải tỏa dưới 8m (trong đó được bồi thường đất ở) bố trí 01 lô tái định cư phía trong.

+ Trường hợp ở cùng trên đất mặt đường ĐT 741 bị giải tỏa hoặc xây dựng trên đất người khác: Bố trí 01 lô tái định cư phía trong.

* Các trường hợp còn lại: Áp dụng theo Quyết định 2264/QĐ-UBND ngày 27/10/2005 của UBND tỉnh Bình Phước.

[2] Như vậy đất của ông Đ có 10,5m mặt đường ĐT 741 (không có đất ở) nên đã được xét cấp 01 lô tái định cư phía trong là đúng với tiêu chí trên nhưng từ năm 2007 đến nay UBND huyện Q chưa thực hiện hành vi ban hành quyết định giao đất tái định cư cho ông Đ.

[3] UBND huyện Q cho rằng, biên bản xét họp ngày 14/3/2007 này là tổ công tác bố trí tái định cư của huyện tiến hành rà soát và họp xét trường hợp cụ thể để sắp xếp bố trí tái định cư. Xét lời trình bày trên của UBND huyện Q là không có căn cứ để chấp nhận vì ngay trên tiêu đề của biên bản đó thể hiện rõ là “Biên bản họp xét bố trí đất tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa trong khu quy hoạch Hoa Viên - Tượng đài” và cũng thể hiện rõ kết quả xét duyệt như sau: Hộ ông Đ số thứ tự 23 được bố trí lô tái định cư phía trong, trong nội dung biên bản không hề có nội dung nào xác định hộ ông Đ đã được cấp 01 lô tái định cư từ năm 2005.

[4] Đồng thời tại phiên tòa người khởi kiện cũng xác định có sự bất cập trong việc cấp tái định cư cụ thể như trường hợp của ông Đ là đất nông nghiệp nhưng có xây dựng nhà hoặc công trình dù là trái phép thì khi bị thu hồi thì được cấp đất tái định cư còn không có nhà, công trình thì không được cấp. Ông Đ xác định ông chấp hành đúng pháp luật đất đai là không xây nhà trên đất nông nghiệp thì ông lại thiệt thòi không được cấp tái định cư khi bị thu hồi đất còn người vi phạm thì được hưởng quyền lợi. Hơn nữa tại Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 17/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đ có nội dung trả lời ông Đ về việc cấp đất tái định cư có nêu: Hộ bà Bùi Thị L bị thu hồi đất bởi 2 dự án, dự án trung tâm hành chính huyện, đất của bà L có 400m² đất ở nên được bố trí 2 lô tái định cư; Dự án Hoa viên-Tượng đài bị thu hồi diện tích đất lớn trên đất có nhà ở ổn định nên để giảm thiệt thòi cho gia đình bà UBND huyện thống nhất giao cho gia đình bà 02 lô đất tái định cư. Tuy nhiên, do cần đất để xây dựng công trình cho kịp tiến độ, UBND huyện tổ chức cưỡng chế đối với hộ bà L, nhưng tại buổi cưỡng chế hộ bà L xin được bố trí 01 lô nữa thì gia đình bà tự tháo dỡ. Vì vậy UBND huyện Q thống nhất giao thêm cho hộ bà L 01 lô đất tái định cư theo trường hợp đặc biệt. Như vậy rõ ràng không có sự công bằng trong việc xét cấp đất tái định cư của UBND huyện Q. Do đó cần kiến nghị đối với UBND huyện Q chấn chỉnh công tác thu hồi đất, bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người dân.

Ngoài ra, tại đoạn 3 Mục 4 một số quy định về giao đất tái định cư của Điều 1 Quyết định số 2264/QĐ-UBND thể hiện “Các hộ dân có diện tích đất thu hồi trên 500m² và có tối thiểu 5 nhân khẩu trở lên (Trong đó có ít nhất 3 nhân khẩu từ 16 tuổi trở lên) thì được xét giao 2 lô đất”. Như vậy theo nội dung trên thì không quy định là trong đó phải có đất ở. Do đó hộ ông Đ đủ điều kiện để được cấp đất tái định cư.

[6] Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét hành vi hành chính của UBND huyện Q không ban hành quyết định cấp đất tái định cư cho hộ ông Phùng Ngọc Đ theo Biên bản họp xét bố trí đất tái định cư ngày 14/3/2007 là trái pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của ông Đ, sửa bản án sơ thẩm buộc UBND huyện Q thực hiện hành vi hành chính ban hành quyết định cấp đất tái định cư cho hộ ông Đ.

[7] Đối với kháng cáo của ông Đ về yêu cầu hủy Quyết định số 1130/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Q thì thấy.

- Về thẩm quyền trình tự thủ tục ban hành Quyết định 1130/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Q là đúng quy trình thủ tục ban hành theo Điều 18,27,28,29,30,31,32 Luật Khiếu nại 2011.

- Về nội dung của Quyết định bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại đề ngày 20/2/2013 của ông Phùng Ngọc Đ với căn cứ là hộ ông Phùng Ngọc Đ không thuộc đối tượng được bố trí đất tái định cư theo Quyết định 2264/QĐ-UBND. Xét căn cứ này là không phù hợp pháp luật và theo phân tích trên của Hội đồng xét xử nên cần hủy Quyết định số 1130/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Q.

[8] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về việc tại phiên tòa ngày 25/7/2017, Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để đề nghị UBND tỉnh Bình Phước giải thích nội dung trong Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 27/10/2005 của UBND tỉnh Bình Phước mà phía người bị kiện không giải thích được tuy nhiên Hội đồng xét xử tiến hành nghị án và ra tuyên án mà không trở lại việc hỏi và tranh luận sau đó đề nghị kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 186, 190 và 192 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Công văn số 18/2017/CV-TA ngày 17/11/2017 gửi UBND tỉnh để làm rõ nội dung của Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 27/10/2005 của UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 12/3/2018, UBND tỉnh đã có Công văn số 566/UBND-NC về việc trả lời các nội dung liên quan đến hồ sơ vụ án ông Phùng Ngọc Đ như sau: Khu Hoa viên – Tượng đài nằm trong khu quy hoạch chung Trung tâm hành chính huyện Q; Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 27/10/2005 của UBND tỉnh Bình Phước bao gồm cả những hộ dân có đất bị thu hồi ở khu Hoa viên tượng đài; Đối tượng cấp đất tái định cư là phải có đất ở (đất thổ cư) bị thu hồi trong khu vực Trung tâm hành chính huyện Q. Như vậy, tuy Tòa án cấp sơ thẩm không tạm ngừng phiên tòa để đề nghị UBND tỉnh Bình Phước giải thích nội dung trong Quyết định số 2264/QĐ-UBND là thiếu sót tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được nội dung này, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm khắc rút kinh nghiệm.

[9] Về việc Biên bản nghị án không xem xét về đề nghị tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhưng lại nhận định trong bản án không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là vi phạm Điều 191 Luật Tố tụng hành chính. Tuy nhiên, thấy rằng vấn đề yêu cầu UBND tỉnh Bình Phước giải thích nội dung trong Quyết định số 2264/QĐ-UBND đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục.

[10] Về việc quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện Q vào tham gia tố tụng với tư cách người bị kiện là vi phạm Luật tố tụng hành chính.

[11] Quyết định kháng nghị số 08/QĐ-VKS-HC ngày 08/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q nêu lên những vi phạm tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã ra Công văn số 18/2017/CV-TA ngày 17/11/2017 gửi UBND tỉnh để làm rõ nội dung của Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 27/10/2005 của UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 12/3/2018, UBND tỉnh đã có Công

văn số 566/UBND-NC về việc trả lời các nội dung liên quan đến hồ sơ vụ án ông Phùng Ngọc Đ, vì vậy không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị hủy án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[12] Do sửa bản án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm được tính lại như sau:

UBND huyện Q, Chủ tịch UBND huyện Q phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Ông Đ không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Do kháng cáo được chấp nhận nên ông Đ không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 18, 27, 29, 30 Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Điều 39 Luật Đất đai 2003, Điều 4 Nghị định 197/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Thông tư số 14/2009 của Bộ tài nguyên và Môi trường ngày 01/10/2009 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng nghị số 08/QĐ-VKS-HC ngày 08/8/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Ngọc Đ, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Ngọc Đ.

Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện Q không ban hành Quyết định cấp đất tái định cư cho hộ ông Phùng Ngọc Đ theo Biên bản họp xét bố trí đất tái định cư cho các hộ dân bị giải tỏa trong khu quy hoạch Hoa viên-Tượng đài ngày 14/3/2007 là vi phạm pháp luật.

Buộc UBND huyện Q thực hiện hành vi hành chính ban hành Quyết định cấp đất tái định cư cho hộ ông Phùng Ngọc Đ theo biên bản họp xét ngày 14/3/2007.

Hủy Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 27/5/2013 của Chủ tịch UBND huyện Q về việc giải quyết khiếu nại của ông Phùng Ngọc Đ.

[3] Án phí

- Án phí hành chính sơ thẩm:

UBND huyện Q phải chịu 200.000 đồng.

Chủ tịch UBND huyện Q phải chịu 200.000 đồng.

Ông Phùng Ngọc Đ không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q hoàn trả cho ông 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0253 ngày 20/2/2014.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Phùng Ngọc Đ không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện Q hoàn trả cho ông Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0024164, quyển số 00484, ngày 2/8/2017.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Q;
- Chi Cục THADS huyện Q;
- Dương sự;
- Lưu:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Minh Thịnh